TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023.
V/v: "Ly hôn giữa chị P và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến.

Ông: Nguyễn Thế Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị P; Sinh năm: 1982*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 25, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Anh Đỗ Quốc T ; Sinh năm: 1982*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 25, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2022 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Đỗ Quốc T kết hôn vào ngày 05/9/2014, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã thực sự đổ vỡ,

không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quốc T .

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Duy P , sinh ngày 19/4/2015 và Đỗ Phương T, sinh ngày 11/11/2019. Hiện hai con chung đang ở cùng anh T. Nay ly hôn, chị đề nghị nhường quyền nuôi cả hai con chung cho anh T. Trong trường hợp anh T không nuôi được thì chị sẽ nuôi và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị P vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023, bị đơn anh Đỗ Quốc T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn vào ngày 05/9/2014, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới do chị P có 01 con riêng ở cùng ông bà ngoại nên khi về sống cùng anh tâm lý nặng về con riêng, không có trách nhiệm với gia đình anh. Chị P luôn gây áp lực về kinh tế đối với anh. Anh chị sống ly thân được gần 06 tháng. Nay chị P xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Duy P , sinh ngày 19/4/2015 và Đỗ Phương T, sinh ngày 11/11/2019. Hiện hai con chung đang ở cùng anh. Nay ly hôn, anh đề nghị nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị P và anh T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Quốc T . Về con chung: Giao cho anh Đỗ Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Duy P , sinh ngày 19/4/2015 và Đỗ Phương T, sinh ngày 11/11/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P, anh Đỗ Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Quốc T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Quốc T kết hôn vào ngày 05 tháng 9 năm 2014, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T nhất trí. Điều đó chứng tỏ anh chị không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị P và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Đỗ Quốc T .

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Duy P , sinh ngày 19/4/2015 và Đỗ Phương T, sinh ngày 11/11/2019. Trên cở sở xem xét yêu cầu của đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung, giao cho anh Đỗ Quốc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P, anh Đỗ Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Quốc T .

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Quốc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Duy P , sinh ngày 19/4/2015 và Đỗ Phương T, sinh ngày 11/11/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004783 ngày 18/10/2022.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P, anh Đỗ Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA huyện Nam Trực;*
- *UBND Đ;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP*